

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH BL**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/6/2022

*V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BL**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Cung

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Tú Phương

Ông Trần Văn Phước

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh BL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh BL tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc ***“Tranh chấp ly hôn”*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Bà Quách Thị Tr, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp PHT, thị trấn P, huyện P, tỉnh BL.

Bị đơn: Ông Lê Tấn L, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp PHT, thị trấn P, huyện P, tỉnh BL.

Bà Tr vắng mặt nhưng có đơn xin vắng, ông L vắng mặt lần thứ hai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/02/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Quách Thị Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Tấn L xây dựng hôn nhân năm 1994, hôn nhân là tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn và đến thời điểm hiện tại cũng chưa đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên đến khoảng năm 2020 cho đến nay thì

cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bà và ông L thường xuyên cự cãi với nhau, không tìm được tiếng nói chung với nhau nên bà và ông L đã ly thân với nhau khoảng 02 năm nay. Từ lúc ly thân đến nay bà và ông L không có gặp nhau hàn gắn lại cuộc sống vợ chồng, hơn nữa tình cảm vợ chồng cũng không còn nên nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Tấn L.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông L có hai người con chung tên Lê Thị Kiều O, sinh ngày 22/11/1994 và Lê Trung K, sinh ngày 16/3/2001, hiện tại con chung đã thành niên và có cuộc sống ổn định nên khi ly hôn bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Tấn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng ông L vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P trình bày quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử không công nhận bà Quách Thị Tr và ông Lê Tấn L là vợ chồng; về con chung, tài sản chung, nợ chung: do các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét, giải quyết. Án phí bà Tr phải nộp 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bà Quách Thị Tr yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Lê Tấn L, bị đơn có địa chỉ tại huyện P, tỉnh BL nên căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh BL.

[2] Bà Tr có đơn xin xét xử vắng mặt và được Tòa án chấp nhận, bị đơn ông Lê Tấn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, áp dụng Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tr xác định bà và ông Lê Tấn L xây dựng hôn nhân vào năm 1994, trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và đến nay cũng chưa đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Điều 9 Luật hôn

nhân và gia đình năm 2014 quy định việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện, việc kết hôn không được đăng ký thì không có giá trị pháp lý và tại Điều 14 quy định nam nữ có đủ điều kiện kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Từ đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà Quách Thị Tr và ông Lê Tấn L là vợ chồng.

[4] Về con chung: Do các con chung đã thành niên và các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này, trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp thì được giải quyết thành vụ kiện chia tài sản sau ly hôn.

[6] Với những phân tích trên xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Tr phải nộp 300.000đ, bà Tr đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000đ, tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005049 ngày 22 tháng 02 năm 2022 được chuyển thu án phí trong giai đoạn thi hành án. Ông Lê Tấn L không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 9, Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Quách Thị Tr và ông Lê Tấn L là vợ chồng.

2. Về con chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết

3. Tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Tr phải nộp 300.000đ, bà Tr đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000đ, tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005049 ngày 22 tháng 02 năm 2022 được chuyển thu án phí trong giai đoạn thi hành án.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Tạ Văn Cung

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Phước Dương Thị Tú Phương

Tạ Văn Cung

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tạ Văn Cung

